



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

PETAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN NGẠ QUỶ

3. 10.

516. Antaḷikkhasmiṃ tiṭṭhanto duggandho pūti vāyasi,
mukhañca te kimayo pūtigandhaṃ,
khādanti kiṃ kammamakāsi pubbe.
517. Tato satthaṃ gahetvāna okkantanti punappunaṃ,
kharena¹ pariṃphosivā okkantanti punappunaṃ.
518. Kinnu kāyena vācāya manasā dukkaṭaṃ kataṃ,
kissa kammavipākena idaṃ dukkhaṃ nigacchasi² 'ti.
519. Ahaṃ rājagahe ramme ramaṇīye giribbaje,
issaro dhanadhaññassa supahūtassa mārisa.
520. Tassāyaṃ me bhariyā ca dhītā ca suṇisā ca me,
tā mālaṃ³ uppalañcāpi paccagghaṃca vilepanaṃ,
thūpaṃ harantiyo vāresim̐ taṃ pāpaṃ pakataṃ mayā.
521. Chaḷāsītisahassāni mayaṃ paccattavedanaṃ,
thūpapūjaṃ vivaṇṇetvā paccāma⁴ niraye bhusaṃ.
522. Ye ca kho thūpapūjāya vattante arahato mahe.
ādinavaṃ pakāsentī vivecayatha ne⁵ tato.
523. Imā ca passa āyantiyo mālādhārī alaṅkatā,
mālāvipākaṃ anubhonti⁶ samiddhā⁷ tā yasassiniyo.
524. Tañca disvāna accheraṃ abbhutaṃ lomahaṃsanaṃ,
namo karonti sappaññā vandanti taṃ mahāmunim̐.
525. So hi⁸ nūna ito gantvā yonim̐ laddhāna mānusiṃ,
thūpapūjaṃ karissāmi appamatto punappunan⁹ 'ti.

Dhātuvivaṇṇikapetavatthu dasamaṃ.

Cūlavaggo tatiyo.

TASSUDDĀNAṃ

Abhijjamāno kuṇḍaṇṇo⁹ rathakārī bhūsenā ca,
kumāro gaṇikā¹⁰ ceva dve luddā piṭṭhapūjāyo,¹¹
vaggo tena pavuccatī 'ti.

--ooOoo--

¹ khārena - Ma, Syā, PTS.

² nigacchasi - Ma, PTS.

³ tamālaṃ - Syā.

⁴ pacāma - Syā.

⁵ vivecayetha ne - Ma, PTS; vivecayetha no - Syā.

⁶ mālāvipākaṃnubhontiyo - Ma; mālāvipākaṃ anubhontiyo - Syā, PTS.

⁷ samiddhā ca - Ma.

⁸ sohaṃ - Ma, Syā.

⁹ kuṇḍiyo - PTS.

¹⁰ bhaṇikā - Syā.

¹¹ piṭṭhipūjāyo - Syā.

3. 10.

516. “Người đứng ở không trung, có mùi hôi, toát ra mùi thối tha, và những con dòi rúc rĩa cái miệng có mùi hôi thối của người; người đã tạo nghiệp gì trước đây?”

517. Sau đó, chúng cầm lấy cây dao cắt xẻo lần này lần khác, sau khi rướn khắp với chất kiềm rồi cắt xẻo lần này lần khác.

518. Vậy ác hạnh gì đã được làm, bởi thân bởi khẩu bởi ý? Do quả thành tựu của nghiệp gì mà người lại trải nghiệm sự khổ đau này?”

519. “Thưa ngài, ở thành Rājagaha đáng yêu, nơi Giribbaja xinh xắn, tôi đã là chủ nhân của tài sản và lúa gạo vô cùng dồi dào.

520. Người vợ này của tôi đây, con gái và con dâu của tôi; trong khi các cô ấy đang mang tràng hoa, có cả hoa sen xanh, và đầu thoa đất giá đến ngôi bảo tháp, tôi đã ngăn cản; việc xấu xa ấy đã do tôi gây ra.

521. Tám mươi sáu ngàn người chúng tôi có cảm thọ (khổ) riêng biệt, sau khi chê bai việc cúng dường đến ngôi bảo tháp, chúng tôi bị nung nấu trường kỳ ở địa ngục.

522. Và trong khi lễ hội của bậc A-la-hán đang được cử hành, những kẻ nào công bố điều bất lợi đối với việc cúng dường ngôi bảo tháp, quý vị hãy tách ly những kẻ ấy khỏi nơi ấy.

523. Và quý vị hãy nhìn xem các cô nàng đang đi đến, có mang tràng hoa, đã được trang điểm, các cô ấy hưởng thụ quả thành tựu về tràng hoa, có sự thành công, có danh tiếng.

524. Và sau khi nhìn thấy điều kỳ diệu, phi thường, khiến nổi da gà ấy, các bậc có trí tuệ thực hiện việc nghiêng mình đánh lễ ngài, bậc Đại Hiền Trí.

525. Đúng vậy, chính tôi đây, sau khi đi khỏi nơi này, sau khi đạt được sự xuất thân thuộc loài người, tôi sẽ thực hiện việc đánh lễ ngôi bảo tháp, không bị xao lãng, lần này lần khác.”

Chuyện Vong Nhân Chê Bai Xá-Lợi là thứ mười.

Tiểu Phẩm - Phẩm Thứ Ba.

TÓM LƯỢC PHẨM NÀY:

Chuyện không làm (mặt) nước bị vỡ ra, chuyện vị Koṇḍañña, chuyện ở hồ Rathakāra, với chuyện vỏ trấu, chuyện đứa bé trai, luôn cả chuyện cô kỹ nữ, hai chuyện người thợ săn, chuyện (nói xấu) sau lưng, chuyện cúng dường; vì thế được gọi là phẩm.

--ooOoo--